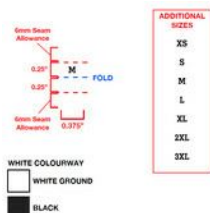
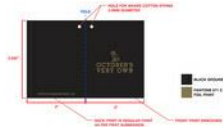


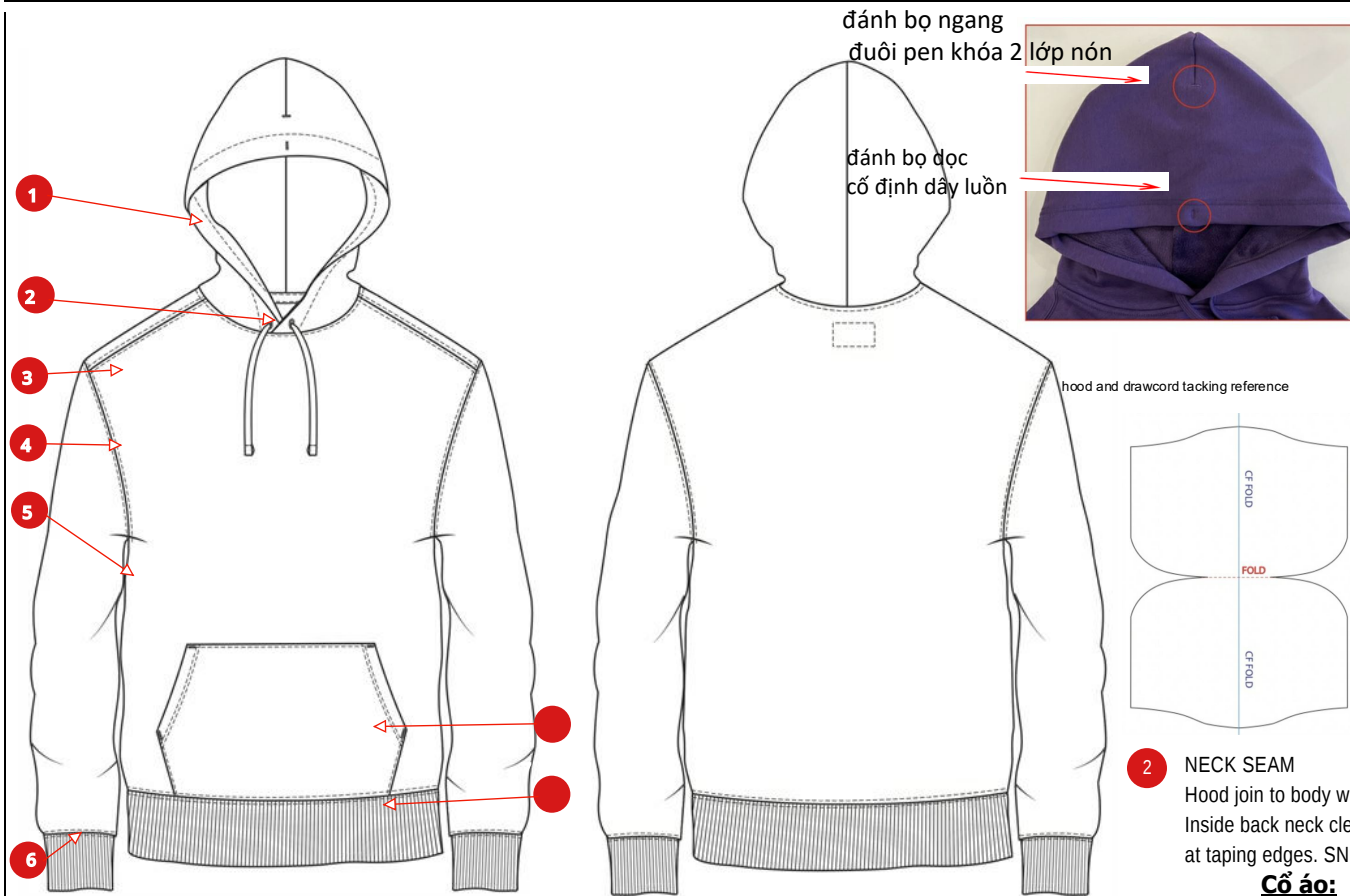
Article Summary						Version 1		
	Article Code	M-0325-KT-6357		100% COMBED COTTON, 350GSM (FB-K630) "DREW" FLEECE- UN-AVAILABLE	Product Group	TOP		
	Article Name	VARSITY FANGS HOODIE			Product Sub-Category	HOODIE		
	Created On	12/11/24 10:38:32 AM			Season	2025 Fall		
	Last Modified	12/19/24 3:45:37 PM			Life Cycle Stage	Pre-Production		
Gender Classification		Mens	Sub Class D		HOODIE	Fabrication		KNIT TOP
Supplier		UN-AVAILABLE CO. LTD	Release Date			Ex-Factory		27 Jun 2025
							COLORS	
								BLACK (BK) BLACK
								OPEN AIR (OA) .
								HEATHER GREY (HG) BROS BC06
								HEATHER GREY
SIZES								
000, 001, 002, 003, 004, 005, 006, 007, 008								

Bill of Material														Version 1	
	Article Code	M-0325-KT-6357				100% COMBED COTTON, 350GSM (FB-K630) "DREW" FLEECE- UN-AVAILABLE				Product Group		TOP			
	Article Name	VARSITY FANGS HOODIE								Product Sub-Category		HOODIE			
	Created On	12/11/24 10:38:32 AM								Season		2025 Fall			
	Last Modified	12/19/24 3:45:37 PM								Life Cycle Stage		Pre-Production			
Part	Material		Placement		Qty.	UOM.	Comments	Supplier	Supplier Ref.		BK BLACK		OA OPEN AIR		HG HEATHER GREY
Fabric															
	100% COMBED COTTON, 350GSM (FB-K630) "DREW" FLEECE- UN-AVAILABLE		BODY/ HOOD/SLV/HALF MOON/ POCKET BAG PALM		0	Meter	MINI OG FLEECE				None		None		None
	UA - 100% COTTON JERSEY, 190GSM (FB-K508) REF# BDSS22P0921018T00D SINGLE JERSEY 20s		POCKET BAG KNUCKLE SIDE/BACK NECK TAPE		0	Meter					None		None		None
	1X1 RIB COTTON /LYCRA (FB-K1066) WEIGHT TBD		BODY BAND/ CUFFS		0	Meter					None		None		None
Trims															
	UPC STICKER- 1" X 2.5" (TR-ST114) PLEASE PRINT WITH THERMAL PRINTER				2	Each	All vendors must use a thermal printer. They cannot use an "ink jet printer".				None		None		None
	DRAWCORD CTN 3/8" FLAT, FOLDBACK BARTACKED ENDS (DR128)				1	Each	DTM BODY, HEATHER DRAWCORD ON HEATHER BODY				None		None		None
	CC LABEL - APPAREL (LT110) White Satin ground, Black text COO, Content, and Care Instructions may vary by style.				1	Each		Vendor Sourced			None		None		None
	5mm GROSGRAIN RIBBON LOOP (TR-TV140) FOR HANGTAG ATTACHMENT				1	Each		Vendor Sourced			None		None		None
	TEAR-AWAY COO TAB: OVOF21_217_T (LT138) COUNTRY OF ORIGIN TAB				1	Each		Reca Mainetti Asia Ltd.	OVOF21_217_T		None		None		None

Bill of Material														Version 1	
	Article Code	M-0325-KT-6357								Product Group	TOP				
	Article Name	VARSITY FANGS HOODIE								Product Sub-Category	HOODIE				
	Created On	12/11/24 10:38:32 AM		Material Description	100% COMBED COTTON, 350GSM (FB-K630) "DREW" FLEECE- UN-AVAILABLE					Season	2025 Fall				
	Last Modified	12/19/24 3:45:37 PM								Life Cycle Stage	Pre-Production				
Part	Material		Placement		Qty.	UOM.	Comments	Supplier	Supplier Ref.		BK BLACK		OA OPEN AIR		HG HEATHER GREY
	POLY BAG - GENERIC (PK101) Clear Plastic, with suffocation warning on back, UPC sticker placement on bottom right corner of bag.				1	Each		Vendor Sourced			None		None		None
	OVO 2023 One Side Main Label (TR-LT247) RECA REF: LBOVO172				0	Each		Reca Mainetti Asia Ltd.	LBOVO172		WHITE WT WHITE		WHITE WT WHITE		WHITE WT WHITE
	OVO 2023 Alpha Sizing Tab (TR-LT246) ARTICLE: OVOW23_181_T/ LBOVO175				0	Each		Reca Mainetti Asia Ltd.	LBOVO175		WHITE WT WHITE		WHITE WT WHITE		WHITE WT WHITE
	OVO 2023 Booklet Hangtag (TR-HG142) Article code: HTOVO141A				0	Each		Reca Mainetti Asia Ltd.	HTOVO141A		BLACK BK BLACK		BLACK BK BLACK		BLACK BK BLACK
Graphics															
	TBD - SEE ARTWORK FILE (HT-102)				0	Each					None		None		None

Material Image Sheet							Version 1										
	Article Code	M-0325-KT-6357		Material Description	Product Group	TOP											
	Article Name	VARSITY FANGS HOODIE			Product Sub-Category	HOODIE											
	Created On	12/11/24 10:38:32 AM			Season	2025 Fall											
	Last Modified	12/19/24 3:45:37 PM			Life Cycle Stage	Pre-Production											
	FB-K508 UA - 100% COTTON JERSEY, 190GSM			TR-ST114 UPC STICKER- 1" X 2.5"			LT110 CC LABEL - APPAREL			TR-TV140 5mm GROSGRAIN RIBBON LOOP			LT138 TEAR-AWAY COO TAB: OVOF21_217_T			PK101 POLY BAG - GENERIC	
	TR-LT247 OVO 2023 One Side Main Label			TR-LT246 OVO 2023 Alpha Sizing Tab			TR-HG142 OVO 2023 Booklet Hangtag										

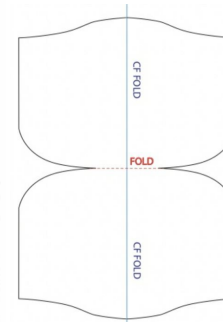
Construction details - Hoodie - rev relaxed fit							Version 1
	Article Code	M-0325-KT-6357			Product Group	TOP	
	Article Name	VARSITY FANGS HOODIE			Product Sub-Category	HOODIE	
	Created On	12/11/24 10:38:32 AM	Material Description	100% COMBED COTTON, 350GSM (FB-K630) "DREW" FLEECE- UN-AVAILABLE	Season	2025 Fall	
	Last Modified	12/19/24 3:45:37 PM			Life Cycle Stage	Pre-Production	



đánh bọt dọc
cố định dây luồn



hood and drawcord tacking references

Comments 1 HOOD

1 piece hood with self lining. Fold at CF edge. Dart at CB, join with #512 mock safety stitch. Please ensure that the hood self and hood lining serged separately. CF of hood overlapping at the neck 3/4", left over right.

Nón 1 mảnh, lót bằng vải chính, gấp miệng nón tại mép. Chiết pen nón ở giữa sau nón - xem hình bên cạnh cho rập nón - Vắt số 2k4c.

Đảm bảo 2 lớp nón có thể tách rời được.

Chôm nón 3/4" tại giữa cổ trước, từ bên trái lên bên phải của người mặc.

Điều 1K ở miệng nón để luồn dây, thừa khuy để làm lỗ luồn dây.

Dây luồn gấp đôi 2 lần và đánh bọ khóa đầu dây.

Đánh bọ cố định dây luồn ở giữa miệng nón.

Đánh bọ ngang 3/8" ở đuôi pen - tại đỉnh nón - để khóa 2 lớp nón với nhau

2 NECK SEAM

Inside back neck cleanfinished with jersey taping. SN topstitch at taping edges. SN topstitch, 1/4" in, visible at back neck.

Viên cổ sau bằng vải single jersey. Điều mí 1k xung quanh viên cổ sau. Điều 1K 1/4 xung quanh cổ.

3 SHOULDER SEAM

4 ARMHOLE SEAM

5 SLEEVE/ SIDE SEAM

6 SLEEVE OPENING

7 KANGA POCKET

Vải chính, Gấp miệng nón vào trong và đũ 2k 1/4
2 cạnh bên hông và cạnh trên túi gấp vào trong và đũ mí 1k tra vào thân
Cạnh dưới túi tra vào bo lai
Đánh bo cổ đĩn 4 gĩc miĩng túi.

8 BOTTOM OPENING

REFERENCE: UPDATED 2023 STUSSY hoodie fit (length, shoulder, bottom band width)
8/17/23 revisions for O1 and onwards:

Sườn vai:

Bo tay, bo lai và nách áo
Gấp đôi bo tay, Vắt sổ 2k4c
tra vào thân, diều rẽ 2K 1/4"

Bo tay, bo lai và nách áo
Gấp đôi bo tay, Vắt sổ 2k4c
tra vào thân, điều rẽ 2K 1/4"

Measurement - Hoodie - Relaxed Fit ver2					All Measurements are in Inches		Version 1
	Article Code	M-0325-KT-6357		100% COMBED COTTON, 350GSM (FB-K630) "DREW" FLEECE- UN-AVAILABLE	Product Group	TOP	
	Article Name	VARSITY FANGS HOODIE			Product Sub-Category	HOODIE	
	Created On	12/11/24 10:38:32 AM	Material		Season	2025 Fall	
	Last Modified	12/19/24 3:45:37 PM	Description		Life Cycle Stage	Pre-Production	

BẢNG THÔNG SỐ													
POM	Description		+ Tol	- Tol	Grade	XXS	XS	S	M	L	XL	XXL	3XL
! A201	Front body length from HPS : Top	Dài thân trước từ cao vai	1/2	1/2	NA	26	26 1/2	27	27 1/2	28	29	30	31
! H101	Neck width :: SEAM TO SEAM	Ngang cổ từ đường may đến đường may	1/4	1/4	NA	9	9	9 1/4	9 1/2	9 3/4	10	10 1/4	10 1/2
! H201	Front neck drop from HPS : Crew	Hạ cổ trước từ cao vai	1/8	1/8	NA	3 3/8	3 3/8	3 7/16	3 1/2	3 9/16	3 11/16	3 13/16	3 15/16
H301	Back neck drop from HPS Crew	Hạ cổ sau từ cao vai	1/8	1/8	NA	7/8	7/8	15/16	1	1 1/16	1 3/16	1 5/16	1 7/16
! D102	Shoulder slope :: from HPS	Xuôi vai từ cao vai	1/8	1/8	NA	1 7/8	1 15/16	2	2	2	2 1/16	2 1/8	2 3/16
D103	Shoulder displacement to front	Chỗm vai	1/8	1/8	NA	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4
! D101	Shoulder width :measured on CB body	Ngang vai - đo tại thân sau	3/8	3/8	NA	18 3/4	19 1/2	20 1/4	21	21 3/4	22 3/4	23 3/4	24 3/4
! B301	Across: Chest : at mid. armhole	Ngang ngực - đo ở giữa hõm nách	1/4	1/4	NA	16 1/2	17 1/4	18	18 3/4	19 1/2	20 1/2	21 1/2	22 1/2
! B201	Across Back : at mid. armhole	Ngang lưng - đo ở giữa hõm nách	1/4	1/4	NA	16 3/4	17 1/2	18 1/4	19	19 3/4	20 3/4	21 3/4	22 3/4
! B101	Chest width :1" below armhole	Ngang ngực dưới nách 1"	1/2	1/2	NA	20	21	22	23	24	25 1/2	27	28 1/2
! C102	Bottom width : 1" above band seam	Ngang lai - trên đường tra bo 1"	1/2	1/2	NA	18	19	20	21	22	23 1/2	25	26 1/2
! C101	Bottom width at band:inside fold edges of band/hem	Ngang lai - tại mép	1/2	1/2	NA	15 1/2	16 1/2	17 1/2	18 1/2	19 1/2	21	22 1/2	24
! E101	Armhole Straight :: measured straight	Nách đo thẳng	1/4	1/4	NA	9 7/8	10 1/4	10 5/8	11	11 3/8	11 7/8	12 3/8	12 7/8
! G101	Bicep width:1" below armhole	Ngang bắp tay dưới nách 1"	1/4	1/4	NA	9 1/4	9 1/2	9 3/4	10	10 1/4	10 9/16	10 7/8	11 3/16
! F101	L:Sleeve overarm fr. CB neck :: 3 x point measure	Dài tay từ giữa cổ sau - đo 3 điểm	1/2	1/2	NA	33 1/4	34	34 3/4	35 1/2	36 1/4	37 1/4	38 1/4	39 1/4
! G104	L/Sleeve opening: inside fold edges of cuff/hem	Cửa tay đo tại mép bo	1/8	1/8	NA	3 3/16	3 3/8	3 9/16	3 3/4	3 15/16	4 3/16	4 7/16	4 11/16
! G103	L/Sleeve :: 1" above cuff seam	Cửa tay đo trên đường tra bo 1"	1/8	1/8	NA	5 7/16	5 5/8	5 13/16	6	6 3/16	6 7/16	6 11/16	6 15/16
F701	Sleeve Cuff Band Height	Cao bo tay	1/8	1/8	NA	2 3/4	2 3/4	2 3/4	2 3/4	2 3/4	2 3/4	2 3/4	2 3/4
A703	Body Band Height	Cao bo lai	1/8	1/8	NA	2 3/4	2 3/4	2 3/4	2 3/4	2 3/4	2 3/4	2 3/4	2 3/4
H708	Hood casing width :: at CF	To bản đường điều để luồn dây	1/8	1/8	NA	1	1	1	1	1	1	1	1
! H703	Hood width :: at 5" Below Top Edge	Ngang nón: dưới đỉnh nón 5"	1/4	1/4	NA	10 1/4	10 1/2	10 3/4	11	11 1/4	11 1/2	11 3/4	12
! H701	Hood height at CF	Cao nón ở giữa trước	1/4	1/4	NA	14 1/2	15	15	15 1/2	15 1/2	16	16	16
H702	Hood height at HPS	Cao nón ở cao vai	1/4	1/4	NA	13	13 1/2	13 1/2	14	14	14 1/2	14 1/2	14 1/2
! N101	Kanga pocket height at center	Cao túi bụng tại giữa túi	1/4	1/4	NA	8 3/4	9	9	9 1/4	9 1/4	9 3/4	9 3/4	9 3/4
! N102	Kanga pocket width at top edge	Ngang túi bụng ở cạnh trên	1/4	1/4	NA	9 1/2	9 3/4	9 3/4	10	10	10 1/2	10 1/2	10 1/2
! N103	Kanga pocket width at widest point	Ngang túi bụng tại điểm rộng nhất	1/4	1/4	NA	13 1/2	13 3/4	13 3/4	14	14	14 1/2	14 1/2	14 1/2
! N104	Kanga pocket width at band seam	Ngang túi bụng tại cạnh dưới	1/4	1/4	NA	10 1/2	10 3/4	10 3/4	11	11	11 1/2	11 1/2	11 1/2
N201	Pocket opening hem height	To bản miệng túi bụng	1/8	1/8	NA	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4	3/4
! H709	drawcord length : Hood	Dài dây luồn thành phẩm	1/2	1/2	NA	40	41	41	42	42	43	43	43
H710	Hood drawcord exit pos. fr neck	Vị trí thừa khuy luồn dây tính từ giữa cổ	1/8	1/8	NA	1 1/4	1 1/4	1 1/4	1 1/4	1 1/4	1 1/4	1 1/4	1 1/4
H606	Neck binding width	To bản viền cổ sau	1/8	1/8	NA	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8
! H404	Minimum Neck Stretch	Giãn cổ tối thiểu	1/2	0	NA	24	24	24	24	24	24	24	24

REFERENCE: UPDATED 2023 STUSSY hoodie fit (length, shoulder, bottom band width)

8/17/23 revisions for Q1 and onwards:

- add self half moon facing for the new main label

Measurement - Hoodie - Relaxed Fit ver2					All Measurements are in Inches		Version 1
	Article Code	M-0325-KT-6357			Product Group	TOP	
	Article Name	VARSITY FANGS HOODIE			Product Sub-Category	HOODIE	
	Created On	12/11/24 10:38:32 AM	Material	100% COMBED COTTON, 350GSM (FB-K630)	Season	2025 Fall	
	Last Modified	12/19/24 3:45:37 PM	Description	"DREW" FLEECE- UN-AVAILABLE	Life Cycle Stage	Pre-Production	
- add a locker loop at CB							

CM Measurement - Hoodie - Relaxed Fit ver2												All Measurements are in CMs						Version 1	
	Article Code	M-0325-KT-6357				100% COMBED COTTON, 350GSM (FB-K630) "DREW" FLEECE- UN-AVAILABLE						Product Group		TOP					
	Article Name	VARSITY FANGS HOODIE										Product Sub-Category		HOODIE					
	Created On	12/11/24 10:38:32 AM										Season		2025 Fall					
	Last Modified	12/19/24 3:45:37 PM										Life Cycle Stage		Pre-Production					
POM	Description	+ Tol	- Tol	Grade	XXS	XS	S	M	L	XL	XXL	3XL							
! A201	Front body length from HPS : Top	1.27	1.27	0	66.04	67.31	68.58	69.85	71.12	73.66	76.20	78.74							
! H101	Neck width :: SEAM TO SEAM	0.635	0.635	0	22.86	22.86	23.495	24.13	24.765	25.40	26.035	26.67							
! H201	Front neck drop from HPS : Crew	0.3175	0.3175	0	8.5725	8.5725	8.7312	8.89	9.0488	9.3663	9.6837	10.0013							
H301	Back neck drop from HPS Crew	0.3175	0.3175	0	2.2225	2.2225	2.3812	2.54	2.6988	3.0163	3.3337	3.6513							
! D102	Shoulder slope :: from HPS	0.3175	0.3175	0	4.7625	4.9212	5.08	5.08	5.2388	5.3975	5.5563								
D103	Shoulder displacement to front	0.3175	0.3175	0	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905							
! D101	Shoulder width :measured on CB body	0.9525	0.9525	0	47.625	49.53	51.435	53.34	55.245	57.785	60.325	62.865							
! B301	Across: Chest : at mid. armhole	0.635	0.635	0	41.910	43.815	45.720	47.625	49.530	52.070	54.610	57.150							
! B201	Across Back : at mid. armhole	0.635	0.635	0	42.545	44.45	46.355	48.26	50.165	52.705	55.245	57.785							
! B101	Chest width :1" below armhole	1.27	1.27	0	50.80	53.34	55.88	58.42	60.96	64.77	68.58	72.39							
! C102	Bottom width : 1" above band seam	1.27	1.27	0	45.72	48.26	50.80	53.34	55.88	59.69	63.50	67.31							
! C101	Bottom width at band:inside fold edges of band/hem	1.27	1.27	0	39.37	41.91	44.45	46.99	49.53	53.34	57.15	60.96							
! E101	Armhole Straight :: measured straight	0.635	0.635	0	25.0825	26.035	26.9875	27.94	28.8925	30.1625	31.4325	32.7025							
! G101	Bicep width:1" below armhole	0.635	0.635	0	23.495	24.13	24.765	25.4	26.035	26.8287	27.6225	28.4163							
! F101	L:Sleeve overarm fr. CB neck :: 3 x point measure	1.27	1.27	0	84.455	86.36	88.265	90.17	92.075	94.615	97.155	99.695							
! G104	L/Sleeve opening: inside fold edges of cuff/hem	0.3175	0.3175	0	8.0963	8.5725	9.0487	9.525	10.0013	10.6363	11.2713	11.9063							
! G103	L/Sleeve :: 1" above cuff seam	0.3175	0.3175	0	13.8113	14.2875	14.7637	15.24	15.7163	16.3513	16.9863	17.6213							
F701	Sleeve Cuff Band Height	0.3175	0.3175	0	6.985	6.985	6.985	6.985	6.985	6.985	6.985	6.985							
A703	Body Band Height	0.3175	0.3175	0	6.985	6.985	6.985	6.985	6.985	6.985	6.985	6.985							
H708	Hood casing width :: at CF	0.3175	0.3175	0	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54							
! H703	Hood width :: at 5" Below Top Edge	0.635	0.635	0	26.035	26.67	27.305	27.94	28.575	29.21	29.845	30.48							
! H701	Hood height at CF	0.635	0.635	0	36.83	38.10	38.10	39.37	39.37	40.64	40.64	40.64							
H702	Hood height at HPS	0.635	0.635	0	33.02	34.29	34.29	35.56	35.56	36.83	36.83	36.83							
! N101	Kanga pocket height at center	0.635	0.635	0	22.225	22.860	22.860	23.495	23.495	24.765	24.765	24.765							
! N102	Kanga pocket width at top edge	0.635	0.635	0	24.13	24.765	24.765	25.4	25.4	26.67	26.67	26.67							
! N103	Kanga pocket width at widest point	0.635	0.635	0	34.29	34.925	34.925	35.56	35.56	36.83	36.83	36.83							
! N104	Kanga pocket width at band seam	0.635	0.635	0	26.67	27.305	27.305	27.94	27.94	29.21	29.21	29.21							
N201	Pocket opening hem height	0.3175	0.3175	0	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905	1.905							
! H709	drawcord length : Hood	1.27	1.27	0	101.60	104.14	104.14	106.68	106.68	109.22	109.22	109.22							
H710	Hood drawcord exit pos. fr neck	0.3175	0.3175	0	3.175	3.175	3.175	3.175	3.175	3.175	3.175	3.175							
H606	Neck binding width	0.3175	0.3175	0	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525							
! H404	Minimum Neck Stretch	1.27	0	0	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96							
Comments																			
REFERENCE: UPDATED 2023 STUSSY hoodie fit (length, shoulder, bottom band width) 8/17/23 revisions for Q1 and onwards: - add self half moon facing for the new main label																			

CM Measurement - Hoodie - Relaxed Fit ver2					All Measurements are in CMs		Version 1
	Article Code	M-0325-KT-6357			Product Group	TOP	
	Article Name	VARSITY FANGS HOODIE			Product Sub-Category	HOODIE	
	Created On	12/11/24 10:38:32 AM	Material	100% COMBED COTTON, 350GSM (FB-K630)	Season	2025 Fall	
	Last Modified	12/19/24 3:45:37 PM	Description	"DREW" FLEECE- UN-AVAILABLE	Life Cycle Stage	Pre-Production	
- add a locker loop at CB							